TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H P**

Bản án số: 157/2024/DS-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.

2. Bà Trần Ngọc D.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm *tham gia phiên tòa*: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2024/TLST–DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh D**, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TH Hưng, xã TH Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Thiện P**, sinh năm: 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TH Hưng, xã TH Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Lương P, xã Lương P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Lương P, xã Lương P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh D trình bày:

Do bà và bà H có quen biết nhau nên bà có cho bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 12/6/2020, bà cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Vào ngày 12/10/2020, bà cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng.

- Vào ngày 07/11/2020, bà cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng.
- Vào ngày 29/12/2020, bà cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Vào ngày 13/01/2021, bà cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Vào ngày 06/02/2021, bà cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Vào ngày 12/02/2021, bà cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Vào ngày 13/3/2021, bà cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà H đã vay của bà là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng. Các lần vay không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay của tất cả các lần vay đều là 30 ngày và các lần vay hai bên đều có làm giấy mượn tiền phía bà H đều có ký tên và ghi họ tên. Do số tiền bà H vay đã lâu không trả nên bà có đến nhà bà H để yêu cầu bà H trả tiền cho bà. Bà có qua nhà bà H 02 lần, khoảng cách giữa 02 lần là bao lâu thì bà không nhớ nhưng khoảng 01 năm, cụ thể: lần đầu (không nhớ cụ thể thời gian nhưng khoảng năm 2022) bà có đi cùng bà Võ Thị Mỹ H (là người gần nhà bà). Lần đó, khi bà đến nhà thì bà H thì hai bên chỉ giáp mặt nói chuyện, bà H có hứa bán đất sẽ trả tiền cho bà. Lần thứ hai, bà đi từ Tiền Giang qua gồm: bà, bà Võ Thị Mỹ H và ông H (là em quen biết). Sau khi qua tới Bến Tre do không biết đường nên ông H có gọi cho ông P (là người ông Hồng giới thiệu là người địa phương) dẫn mọi người đến nhà bà H. Khi bà vô đến nhà của bà H thì bà có xin phép mẹ bà H để cúp camera, vì nếu thấy có người ở nhà bà H sẽ không về nhà. Hai lần bà đến nhà bà H đều không gặp ông C (là cha của bà H).

Thời gian sau, bà H có gọi điện thoại cho bà và nói là sẽ trả tiền cho bà và giao tiền cho ông P (là người đi chung với bà đến nhà bà H lần thứ 2). Đoạn đầu tiên của cuộc điện thoại thì bà có đồng ý để bà H giao tiền trả cho ông P, lý do bà đồng ý là vì bà nghĩ bà H gạt bà. Do trước đó nhiều lần bà H nói với bà là nếu bà H trả tiền thì phải có giấy tờ mượn tiền thì bà H mới trả. Bà có nói với bà H là khi nào trả tiền, nếu bà không qua được thì bà sẽ nhờ người đem các giấy mượn nợ qua cho bà H. Về đoạn ghi âm bà H cung cấp bà cho rằng bà H đã cắt đoạn sau. Đoạn sau cuộc điện thoại có nội dung là bà H nói là "khi nào bà đưa giấy mượn tiền bà H mới trả tiền" nhưng hiện các giấy nợ bà còn đang giữ.

Đối với ông P thì bà chỉ mới biết ông P lần đầu tiên là ngày ông Hồng nhờ ông P dẫn vô nhà bà H và đó cũng lần duy nhất bà gặp ông P. Bà chỉ nhờ ông P việc ông P ở gần bà H thì nhắc bà H trả tiền cho bà. Ngoài ra giữa bà và ông P không có thoả thuận là ông P là người nhận tiền thay bà. Đoạn ghi âm bà H cung cấp ngày 22/02/2023 thì bà không biết vì bà không gặp lại ông P lần nào nữa. Hiện bà không biết thông tin gì về ông P. Bà không biết bà H đưa tiền cho ai, giấy là H cung cấp là ai viết, nội dung cũng không ghi số tiền đã giao. Mặc khác, bà H cũng xác định nhiều lần là phải đưa giấy mượn tiền bà H mới đồng ý trả tiền. Nếu bà H trả xong tiền bà H phải liên hệ bà để nhận lại giấy mượn tiền, thực tế các giấy mượn bà đang giữ và đã cung cấp cho Toà án để làm chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của bà.

Sau cuộc điện thoại bà H gọi cho bà nói là sẽ trả tiền cho ông P thì sau đó bà không liên lạc được với bà H và đến sau này bà mới khởi kiện.

Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà H trả lại cho bà số tiền đã vay là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Trước đây, bà có vay tiền của bà D, tổng số tiền bà vay của bà D là 130.000.000 đồng. Đến khoảng đầu năm 2022 thì bà D và một số người nữa có đến nhà gặp bà để yêu cầu bà trả tiền nhưng do chưa xoay sở được tiền nên bà có hẹn lại. Lần thứ hai thì có 04 người cùng đi chung với bà D đến nhà bà. Trong 04 người đi cùng với bà D thì bà biết có bà H (là người cùng xóm với bà D), cùng 03 người đàn ông nhưng bà chỉ biết tên ông P vì ông P là người trực tiếp nói chuyện với bà về việc yêu cầu bà trả nợ cho bà D, hai người đàn ông còn lại bà không biết. Ông P nói ông là em của bà D. Bà D có nói là do ở xa không đến lấy tiền được nên uỷ quyền cho ông P lấy tiền của bà trả cho bà D. Lần sau thì ông P có đến gặp bà để lấy tiền. Ông P có nói với bà là bà D đã uỷ quyền cho ông để lấy tiền của bà nên bà chỉ giao tiền cho ông P. Trước khi bà giao tiền cho ông P thì bà có liên lạc với bà D để xác định về việc bà có thể trả tiền cho ông P được không thì bà D xác nhận là có theo đoạn ghi âm trong điện thoại của bà vào ngày 18/02/2023. Cha bà là ông C đã trả tiền bà nợ của bà D cho ông Nguyễn Văn P vào ngày 22/02/2023 và ông P có viết giấy xác nhận. Bà cũng không có thông tin của ông P, bà chỉ biết ông P là người đi chung bà D và nói là thay bà D nhận tiền lúc đó cũng có bà D mà bà D không có ý kiến phản đối gì. Bà đã trả xong khoản tiền vay cho bà D nên nay bà không còn nợ bà D, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại biên bản hoà giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là cha ruột của bị đơn Nguyễn Thị Tuyết H. Vào khoảng thời gian nào ông không nhớ thì bà D đi với một số người nữa (khoảng 3-4 người) có đến gia đình ông để yêu cầu bà H trả tiền. Khi vô nhà đã cúp cầu dao camera ở nhà ông. Ông có nghe hai bên bàn bạc, trao đổi về việc bà D yêu cầu bà H trả tiền nợ và việc nhận tiền sẽ giao cho ông P là người đi chung bà D. Do thấy bà H thiếu tiền mà bị đòi nợ thì ông có mượn được số tiền 130.000.000 đồng để bà H trả cho bà D và hẹn ông P đến nhà lấy tiền. Trước khi giao tiền cho ông P thì bà H có gọi cho bà D để xác nhận việc sẽ giao tiền cho ông P, được bà D đồng ý thì chính ông là người giao cho ông P số tiền 130.000.000 đồng và có yêu cầu ông P viết biên nhận vào ngày giao tiền là ngày 22/02/2023. Ông đã thay bà H trả tiền cho bà D, bà H không còn nợ bà D nên bà D khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nữa thì không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn bà D thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Bị đơn bà H thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông C thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Về nội dung:

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D về việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H trả số tiền vay 130.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Lẽ ra phải xác định ông Nguyễn Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng bà D, bà H và ông C đều không cung cấp được thông tin của ông P nên không thể đưa ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H trả số tiền vốn vay là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D, bà H cho rằng bà đã trả xong số tiền đã vay cho bà D, không còn nợ bà D.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: bản chính các Giấy mượn tiền ngày 12/6/2020; 12/10/2020; 07/11/2020; 29/12/2020; 13/01/2021; 06/02/2021; 12/02/2021; 13/3/2021.

Tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp là các đoạn ghi âm bằng điện thoại và bản chính xác nhận của ông Nguyễn Văn P đề ngày 22/02/2023.

Bà H và bà D đều thống nhất bà D có vay tiền của bà H nhiều lần, tổng cộng số tiền là 130.000.000 đồng, các lần vay tiền thì bà H đều có viết Giấy mượn tiền và ký tên xác nhận. Bà D cho rằng do bà H không trả tiền cho bà nên bà có đến nhà bà H để yêu cầu bà H trả tiền cho bà. Khi đến nhà bà H thì bà có đi chung với ông P và một số người nữa nhưng ông P chỉ là người dẫn đường cho bà vào nhà bà H thông qua giới thiệu của người em là ông Hồng. Ngoài ra, bà không có thông tin gì của ông P. Việc bà D trình bày là đã trả tiền cho ông P thì bà không thừa nhận vì nhiều lần bà H nói với bà là khi nào bà đưa các giấy mượn tiền thì bà H mới trả tiền cho bà và hiện các giấy mượn tiền bà vẫn còn giữ và đã cung cấp cho Toà án. Bà H thì cho rằng ông P là người đi chung với bà D khi đến nhà bà và ông P cũng

là người đứng ra nói chuyện với bà về việc yêu cầu bà trả tiền cho bà D. Bà D cũng không phản đối việc ông P nói là sẽ chịu trách nhiệm lấy số tiền bà còn nợ bà D. Trước khi giao tiền cho ông P thì bà cũng có điện thoại cho bà D để xác nhận là sẽ giao tiền cho ông P và được bà D đồng ý, bà D cũng không có ý kiến khác.

Xét chứng cứ các bên cung cấp và lời trình bày của hai bên đương sự nhận thấy: Các bên trình bày thống nhất là khi bà D đến nhà bà H lần thứ hai thì có ông P đi cùng bà D. Theo các đoạn ghi âm bà H cung cấp thì có đoạn hội thoại giữa các bên tại nhà bà H gồm: bà D, bà H và ông P. Ông P là người trực tiếp nói chuyện với bà H, nội dung là yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ cho bà D. Có đoạn ông P nói: "*số tiền còn lại là tôi đứng chịu trách nhiệm lấy số tiền đó*…". Tiếp theo, bà D nói: "*chứ chị bên bển xa quá chị còn làm nữa chị đâu có qua bên đây được*". Như vậy, bà D không phản đối việc ông P là người đứng ra chịu trách nhiệm lấy tiền của bà H cho bà. Do đó, việc bà D cho rằng chỉ biết ông P qua ông Hồng giới thiệu và ông P chỉ là người dẫn bà đến nhà bà H là không phù hợp.

Hơn nữa, trước khi bà H giao tiền cho ông P thì bà H cũng có liên hệ bằng điện thoại cho bà D, nội dung đoạn hội thoại bà H có cung cấp file ghi âm. Bà H nói: "*giờ chị đưa hết cho ảnh là giờ em chỉ trả cho anh thôi đúng không. Là chứ là em với chị không còn dình liếu gì nữa đúng không*". Bà D nói: "*bây giờ á cưng trả, bây giờ cưng trả cho nó thì nó cầm qua đưa cho chị á, thì bữa xa quá chị không qua bển được, thì bây giờ cung trả đủ thì nó lấy đủ cho chị thôi à*". Như vậy, bà D đã xác nhận, không phản đối việc bà H giao tiền cho ông P. Việc bà D cho rằng bà H đã cắt đoạn sau của đoạn ghi âm có nội dung bà H nói là khi nào bà D giao giấy nợ thì bà H mới trả tiền cho bà D nhưng bà D không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Ngoài ra, vào ngày 22/02/2023 khi ông C là cha của bà H giao tiền cho ông P thì ông P có viết giấy xác nhận nội dung: "*có nhận số tiền của chị D bàn giao cho tôi số tiền của H thiếu, hôm nay tôi đại diện qua lấy hết số tiền còn lại, coi như chị H đã hoàn trả hết không còn thiếu gì hết*". Như vậy có căn cứ xác định ông P là người thay mặt bà D để nhận số tiền vay do bà H trả. Do đó, lời trình bày của bà H là có cơ sở được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, bà D khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được cấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà D không được chấp nhận nên bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D về việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H trả số tiền vay 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001641 ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà D còn phải nộp số tiền 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang **Trần Ngọc D** **Lê Thị Hồng Đang**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang **Đỗ Thanh Tuyến** **Lê Thị Hồng Đang**